

NĂM THỨ BAY - Số 165 - 166 QUỐC-TUỆ 1^o - 15 Octobre 1941

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
Chủ-nhị hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-dinh-Bính

Chánh chủ-bút: Phan-chung-Thú
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ bút: Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIA BAO : Cả năm: 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$17.

MUC LUC

Số bài	Số trang
1.) Lược khảo về phép tu Thuyền-định ở Đông-phương (Thiều-Chửu)	3-14
2.) Phật học với sự thực-tế (Nghiem-v-Hội)	15-19
3.) Sinh-tử (Thanh-Kiên)	19-23
4.) Tội tu Tịnh độ (Thiều-chửu)	24-27
5.) Phật hóa nhân gian (Viên quang)	27-30

PHƯƠNG DANH CÁC VỊ CÔNG ĐỨC CÙNG TIỀN LÀM CHÙA HỘI QUÁN TRUNG - ƯƠNG

M. Lại-Mãn, Nghị-viên tỉnh Thái-binh 300\$00

HÁN-VIỆT TỰ-ĐIỂN

Kính cáo cùng các vị đã đặt trước. Bản-quán rất cảm-kích tấm lòng các vị yêu quý Tự-điền mà già tiên đặt trước cũng được khá đông. Bản-quán tính rằng tập bị yếu đến đầu février 1942 có thể ra được, nhưng vì trong thời gian ấn hành vì có hai việc cản trở:

- 1) Giấy đất và khó mua.
- 2) Chữ Nho không mua được mà khắc tay thì thợ rất ít.

Vì thế nên công việc chậm-trễ, in xong rồi trong năm tháng trời mới xong được nửa bộ, cứ tình hình này thì đến tháng Mai năm 1942 mới ra được. Vì thế bản-quán xin thanh-minh công việc để các Ngài rõ và bản-quán xin hết sức đốc-thúc thợ làm, để xong sớm được ngày nào xin gửi sách hầu các Ngài ngay.

Dám mong các ngài lượng cho

Imp. — ĐUOC-TUỆ

LƯỢC KHẢO VỀ PHÉP TU THUYỀN-ĐỊNH Ở ĐÔNG-PHƯƠNG

« Kinh Lăng-nghiêm nói : « Do giới sinh-địa, do định phát ra tri-tuệ, đó là ba phép học đưa tới chỗ chứng ngộ vier-mãn. Xem thế đủ biết công tu thuyết-định quan hệ biết là nhường nào !

« Nhưng kể từ khi đức Phật-tử Thích-ca như-lai ta truyền đạo ở trên núi Linh-son, ngài cầm cành hoa đơ lên, Tỳ Ca-diếp mỉm cười, thế là ngài truyền cái phép tu thuyết là một phép chán-truyền đệ nhất, cho Tỳ Ca-diếp làm tổ nhất, Tỳ Ca-diếp truyền cho Tỳ At-nan, nối giới đến Tỳ Đạt-ma là tổ thứ 28. Tỳ Đạt-ma đem chính-pháp Phật sang Tàu, truyền đến Tỳ thứ 6 là ngài Huệ-năng, rồi từ đó đấm hoa kết quả, thuyết tông rực rỡ như mặt trời đứng giữa trời không.

« Xét trong kinh chuyện thì Thuyết-tông chao truyền đạo. pháp cho nhau chỉ truyền bằng tâm và khi trao áo bát thì chỉ có bốn câu kệ mà thôi, tịnh không có kinh sách nào, dạy riêng về phép tu cả, vì thế nên trong Phật-giáo gọi Thuyết-tông là « Dĩ tâm truyền tâm » hay « Giáo ngoại biệt truyền ». Mỗi đến Tỳ Đạt-ma mới truyền cho kinh Lăng-già, Ngũ-tổ Lục-tổ mới truyền kinh Kim-cương. Hai bộ kinh này cũng chỉ rõ cho người biết phương phép tu luyện như thế nào vì thế mà gần nay trong các tín-dồ Phật, ngoài đến các bậc thông-minh trí-tuệ ai cũng ca-lụng Thuyết-tông mà ít người tu học được đến chỗ kết quả. Tôi cũng khổ vì không biết tu thuyết mà mắc bệnh thân và bệnh tâm mãi, không biết dùng cách nào mà trị được, tình cờ gặp được một vị giáo-hữu cho xem bộ sách lu tinh của ngài Nhân-thí-tử là người tinh thâm cả Nhò và Phật, cũng vì hai bệnh tâm thân mà khổ công tu luyện, đem phương pháp khoa-học mà chứng-giải phép thuyết-định, tuy không nói thẳng là thuyết-định mà chính là một phép phương-tiên khiến cho người mới tu mới học có đường mà tiến được vào cửa Huyền vậy. Tôi lấy làm mừng quá, nên vội dịch ra Quốc-văn và phụ thêm một bài khảo về phép tu-thuyết ở Đông-phương này, để các đồng-chi cùng hiểu rằng đủ đến chỗ chứng-ngộ chân-tâm thì Đông tây cùng như một mà biết lối quy-y, không sa vào cái hố lầm-lạc hiểm-cao vụ-đại, vọng-bác cớ-nhân vậy.

THIỀU-CHỮU căn-chỉ

Lược khảo về phép tu tĩnh (thuyền-định) ở Đông-Phương

Ông Chu-liêm-Khê nói :

« Người ta có thể học thành thánh được không ?
Có cái gì làm cốt không ? - Có. - Xin hỏi cái gì là cốt ?

— Nhất là cốt. Nhất là không có nghĩ muốn sáng. Không nghĩ muốn sáng thì là « Tĩnh » Tĩnh phải hư-không, động phải ngay thẳng, tĩnh hư-không thì lòng sáng suốt, lòng sáng suốt thì thông mọi lẽ ; Động ngay thẳng thì là công bằng, công bằng thì là rộng rãi. Sáng-suốt, thông-suốt, công-bằng, rộng-rãi đủ bốn tĩnh ấy, ngộ hầu thành thánh được. »

Ông Lã-lân Ngô nói :

« Những mùi mẽ ngon tốt thực ở trong gười đất, chỉ kẻ tĩnh là nếm được, những cơ màu chân-thực ở trong gười đất, chỉ có kẻ tĩnh là ngấm được hết. Làm người nóng này, nói lời lóng bóng, cũng có khi được một lý, nhưng là bởi ngẫu nhiên mà được cả. »

Ta xem mấy câu này thì đủ biết cái công hiệu của chữ tĩnh xâu xa lớn lao biết là chừng nào. Ồi, ở vào thời đại máy bay, giáy điện, một khắc nghìn vàng mà nói đến cái cách ngời lý, thế chả phải gàn hủ lắm ư ! Không, không phải thế. Cứ lẽ tự nhiên mà xét thì cái dùng được lại ở trong cái không dùng mà ra. — Ta xem như chỗ bỏ không thật là vô dụng, nhưng trong một nhà mà không có chỗ bỏ không thì quanh quẩn đi lại vào đâu. Ngủ náy rất là vô-dụng, nhưng trong một ngày một đêm mà không ngủ được một giấc thì thân thể không sao mạnh được. Lấy lẽ sinh-lý mà xét thì trong óc người ta có một vật quý vô-giá là ái-nại-lư-ny (analogically) vật báu ấy là chứa các cái hoạt-lực trong mình người ta. Người ta sợ dĩ hay nghiên-cứu các lý-tưởng mới mẻ mà gánh vác nổi các công việc lớn lao là đều nhờ nó cả. Cái vật ấy yếu tiểc cũng không được,

mà không yêu tiếc cũng không được, vì rằng không biết yêu tiếc đem tiêu hao vào các sự vô-dụng, làm cho cái nguyên-lực nó kém đi, mà yêu tiếc quá thì lại dập nó vào chỗ vô-dụng, cái tài sản có của nó không bởi đâu mà phát hiện lên được. Bởi thế người ta phải biết cách dùng nó và biết cách giữ gìn nó mới được, phép tinh-lựa ấy tức là lúc ta để cho nó nghỉ vậy. Có người nghĩ nóng nổi rằng: Bây giờ là lúc sự đời biến đổi lắm rồi, chúng ta phải gia công gắng sức hết ngày lại đêm, còn chưa có công hiệu, đâu lại còn có lúc rồi mà ngồi lý cho mất thì giờ? Nói thế là làm làm, giờ đi đâu còn có ngày có đêm, huống chi người ta, tinh tức là động, cũng như quả đất xoay chung quanh mặt trời, bốn mùa nóng rét âm mát không sai một chút nào. Tinh-thần người ta cũng có hạn-lượng, người thông-minh mạnh khoẻ làm việc chuyên được 4, 5 giờ thì tinh-thần đã kém dần, mà người bạc-nhược thì trong 1, 2 giờ đã thấy ủ rũ hững hờ, mệt thì nghỉ, nghỉ rồi lại làm, cái vô dụng với cái hữu dụng cũng dựa nhau như nước với lửa cùng giúp nhau vậy. Vậy lại chúng ta không tinh-lựa nữa, thì trong một ngày 12 giờ đồng hồ để không phí nhảm mất phút nào chẳng? Nếu có phí nhảm thì ta ngồi tĩnh có hơn không. Các bậc Thánh-hiền đời xưa ai làm nên công-nghiệp lưu-truyền ở đời bắt đầu cũng phải lấy phép tinh làm bài học vỡ lòng, phương pháp còn ghi ở trong sử sách. Nay tôi theo thứ-tự trước sau biên chép và phê bình để cống-hiến cho các độc-giả xem xét trong cái thế-giới tĩnh có một cảnh thú khác thường gì không?

Chờ làm nhọc hình-hài, chờ luy động chân-tĩnh, quy tâm lặng lẽ, có thể sống lâu (Hoàng-đế). » Cứ xét trong sử sách, tinh học uyên-nguyên từ vua Hoàng-đế trước nhất, vua có đặt ra phép chu-thiên hô-hấp nữa, nhưng nay chưa tương, đại khái chủ-nghĩa của vua phần nhiều về thể-dục.

Không nghĩ gì, không làm gì, lặng yên bất động, xúc-cảm đến là thông hiểu hết mọi lẽ trong thiên-hạ (Không-lữ)

Đây là phép chủ tĩnh của đức Không - tử, có mấy câu thế mà ngụ-ý áo diệu vô cùng. Người ta có tim óc tất phải nghĩ, nghĩ tất phải làm, không nghĩ không làm sao hiểu hết được mọi lẽ trong thiên-hạ, lẽ ấy thực là uyên - vi, vi như cái gương tốt thủy trong, các sự vật chiếu lại thì hiện hết chân-tĩnh không còn dấu-diểm một tí gì, gương kính xấu thủy phai, thì chiếu ra tất là mờ mờ lem lem tâm ta cũng vậy. Trương trí lương năng, trước sau đủ cả, chỉ vì ngoại vật nó phiền-nhiễu, mình không chế nổi nên mờ mịt tối tăm. Lặng yên bất động, ấy là lúc gìn giữ gương tâm cho sáng quắc, đợi đến lúc vạn đến mà chiếu ra rành mạch rõ ràng vậy, học được đến bậc ấy là chi-thánh.

Tĩnh rồi soi xét, đoạn dứt sự nghĩ sáng thì vô-minh tất, lửa vô-minh đó tắt thì 12 nhân-duyên đều sạch cả mà vào tới cõi Nát-bàn cực-lạc (Phật, thiên-thai-tôn)

Đây là phép chủ tĩnh của đạo Phật, tĩnh-thần nhất là trong phép tĩnh lại thêm một phép quán, đức đức rất tinh thuần mà tri-dục cũng mau tĩnh-liến. Phật bảo người ta sinh ra ở đời có hai tính ; 1) Chân-như và 2) Vô-minh. Chân-như tức là tinh-thiền, vô-minh tức là tính ác, triệt được vô-minh thì chân-như toàn vẹn, tự nhiên sáng-suốt tinh-thần.

Lão-lữ nói: không có muốn gì ấy là có sự muốn to, bỏ trí khôn vật, có trí khôn khôn

Đây là phép chủ tĩnh của đạo Lão, người ta ai cũng có nhiều sự ham muốn, nhất thiết một sự gì là sự có ích cho mình phương-tiện cho mình cũng ước muốn được hết thảy, vì thế cho nên tâm-trí phân vân, kết quả không được một tí gì mà lại hại cả đức-trí thể-dục, sao bằng cắt dứt sự nghĩ lăm nhăm mà nuôi

ấy cái tâm cho sáng suốt trong sạch, ấy là mình đã phục được cái bản-thể của mình, mình đã phục được cái bản thể của mình thì là không có cái tên danh với đức. Trong ba đạo; Khổng, Phật, Lão thì mỗi đạo đứng riêng nhau mà tôn-chỉ cũng cốt ở chữ linh. Tuy rằng mỗi đạo gọi tên khác nhau nhưng kỳ thực cũng là một cõi nguồn vậy, ấy cái tôn-chỉ của ba đạo sáng nhân sáng-tạo ra, trước nhất ai cũng thế, nhưng về đạo Phật, đạo Lão, các môn-đồ một ngày một phát-minh cho tường ra và truyền bá cho đồ đặng, ai vào nhập-môn cũng phải lấy đây làm môn võ-lòng, cho nên càng ngày càng thịnh, mà về đạo Khổng thì rất hững hờ quá đỗi, đức Thánh nói rồi, không mấy người khao-cửu đến nữa. Nay cứ theo thứ tự trước sau mà xét xem, có thể chia ra làm ba thời kỳ như sau này :

1) **Phôi thai thời đại.** — Trên kia đã nói linh học trước từ vua Hoàng-đế, nhưng về sau thất truyền, chỉ còn các nhà âm-dương phụ-hoạ, nên đây kể cái kỳ phôi-thai từ đức Khổng-tử. Đức Thánh mất đi, đến đời cháu là ông Tử-tư làm sách Trung-dong mới lại đề sượng ra tôn-chỉ chữ linh rất uyên-thâm rất thiết-thực. Ông nói rằng : « Trước hết phải biết cái nền chí-thiện đặt mình vào đấy rồi mới định được thần-trí, thần-trí định rồi mới linh được, có linh mới yên ổn mọi sự được, yên ổn mọi sự rồi mới nghĩ-ngợi được, nghĩ-ngợi được thì mới có cái sở đắc ». Qua đời ông Tử-tư, đến ông Mạnh-tử, ông Tuân-tử cũng noi theo cái tôn-chỉ ấy, mà phát xiển ra cái công phu tu-dưỡng rất thiết-thực nữa.

Hỏi « Kể học kia phải cốt nhất giữ cái chí và đừng tàn bạo cái khí nghĩa là thế nào ?

Thầy Mạnh-tử giả lời rằng ; « Chí mà chuyên nhất thì động được khí, khí mà chuyên-nhất cũng động được chí » (Mạnh-tử) Ấy từ đời ông Mạnh-tử giờ xuống thì cái tôn-chỉ của chữ linh không có mấy

người khảo-cứu đến nữa, có chăng nữa cũng không có cái gì phát đạt hơn,

2) **Truy lục thời đại.** — Từ đời Xuân-thu đến đời nhà Hậu-hán, ngót năm trăm năm truy-lục gần hết, mãi đến đời Hậu-hán, ông Gia-cát-lượng mới lại đề xướng cái tôn-chỉ chữ tĩnh và phát minh một nghĩa rất tinh-thần rằng « không đạ**o** bực thì không lấy gì làm cho cái tri đượ**;** rạn**g** rõ ra, không yền tĩnh không sao lo sâu tĩnh sa đượ**c** ». Ấy, xem một câu ấy đủ biết ông sở dĩ lưu-danh thiên-tái kim-cồ**™** khôn bằng đều vì đó cả. Từ đây giờ đi, trải qua đời Tần, đời Tụy, đời Đường đều không có ai xướng cái nghĩa chữ tĩnh lắm nữa

3) **Phục hưng toàn thịnh thời đại.** — Từ đời nhà Tống, có ông Trình ông Chu-lữ ra hết sức khảo-cứu, suy cầu cái đạo học của đức thánh, lại tìm đượ**c** cái tôn-chỉ căn-bản là cái tôn-chỉ chữ tĩnh ra và hết sức xiển-phát mãi ra mà truyền - bá mãi ra. « Cái tôn-chỉ chữ tĩnh là cái khuôn phép lạc nên cái đạo người đời » (Chu-lữ). Ông Trình hễ thấy ai tĩnh lạ thì ngợi khen là người biết học.

Ông Trần-bạch-Xa nói ; « Kẻ học-giả cầu học cốt nhất phải tĩnh - lạ mà nuôi lấy một cái đầu mỗi ra, rồi mới có chỗ so sánh mà tìm tòi Ông Cao - cảnh - Đạt nói ; người ta mỗi người một bệnh, không ai giống ai, bực Đại-thánh hiền, tất có cái đại tĩnh-thần, còn cái công chủ tĩnh chỉ là phần dùng ngày thường. Kẻ học giả tĩnh-thần kém, khi nóng nôi, phải nên luyện cái sức tĩnh lấy vài mươi năm, mới có cái sức vun đầy góp đủ. Xét ra cái căn bệnh đều bởi vì lúc bé không có cái đạo-đức liêu học, lớn lên tâm nhiệm ^{trần} dục hóa cho nên khó lòng thay đổi những cái tục căn, thế cho nên phải vùi đầu đọc sách, khiến cho nghĩa-lý thấu khắp rồi mới biến đổi đượ**c** cái lòng tục ; yền thân ngộ lạng, khiến cho trần-vọng tiêu tán hết, cái chính - tâm chính-khi vững bền mới đượ**c**. Phép tĩnh-lạ là cốt đề

gợi lĩnh cái tâm mình thường được sáng sủa, cho chí khi nhất định không vẫn vơ mà thôi. Trí không vẫn vơ tinh thần tự nhiên nhưng tự; không cần phải bày vẽ, không cần cứ lối lảng, không nên cầu hiệu - nghiệm, lúc mới học tĩnh, chưa biết phép nhiếp-tri, chỉ nên thề thiếp các nhời nói hay của các thánh-hiền, tự nhiên cũng được đến nơi, lĩnh được ba ngày, là tất tới được diệu-cảnh. Ông Vương-dương-Minh nói : « Tĩnh-tọa không phải rằng cứ ngồi lì cả ngày đầu, vì rằng ngày thường chúng ta bị các sự vật nó quấy rối vất vơ, không biết đến mình, cho nên mượn cách ấy làm công-phu bù phần thiếu-học để thu cái chỗ phóng-tâm thôi vậy » .

Bài đoạn trên này nói đến nguyên - nhân người ta vì sao mà phải học tĩnh và cái phương-pháp học tĩnh thực rất là thớm thiết yếu-vi. Tĩnh-thiền nhất là chữ tĩnh mà lại thuộc về cái căn-bản đức-dục. Người ta ai cũng có lương - tâm, dầu kẻ trộm, dĩ, bợm, cũng biết sự của nó làm là xấu xa như nhuộm, chỉ vì không biết phép giữ gìn, không biết được tự cảnh tỉnh cho nên lương-tâm bị ngoại vật nó làm mờ tối đi, dầu người thường cũng vậy, không biết giữ gìn, cảnh tỉnh, rồi cũng một ngày một hư-hỏng. Phép tĩnh-tọa là phép giữ gìn và cảnh-tỉnh lương tâm rất là mẫu-nhiệm, độc-giã không tin thử thí-nghiệm mà xem, tất thấy trong lương-tâm, nó sẽ xuất hiện ra một tòa án trừng-trị mình một cách thần-thống mẫu-nhiệm, không sao che đậy được nữa.

Ông Lưu-tập-Sơn nói : « Công-phu chữ tĩnh rất là khó khăn, nay ta vì kẻ học - giả lập một phép phương-tiện về cách tĩnh-tọa xem. Lúc ngày thường trừ những việc mình phải làm ra, còn thì giờ thường nên tập tĩnh tọa. Lúc ngồi có một việc gì, nên lấy cách vô-sự mà đối phó lại, không có việc gì tâm cũng không bận gì, ấy tức là cái bản tâm của mình, việc nhóm lên thì vất nó đi, tâm nó mờ mịt thì quét sạch nó đi, chỉ cốt sao cho thường được sáng sủa mới được. Phép tập bấy giờ không phải nhắm mắt, không phải bịt tai,

không phải thờ gàn, không phải ngồi xếp chỉ cốt trong lúc làm ngày thường, lúc mỗi thì giờ, lúc cảm đến thì ứng, đi đứng nằm ngồi, hết thầy lấy tĩnh mà xem, ăn, nghỉ, nằm, ngồi; hết thầy lấy tĩnh mà hội. Người xưa bảo: Trong khoảng không những quên không giúp sức, không phải dùng sức một li nào, ấy là cái chân tiên-túc vậy. Ông Trinh-tử hễ thấy ai ngồi tĩnh-tọa là khen là người biết học, biết học là thế nào? Nghĩa là biết cái phép ấy là cái công-phu để thu-phóng tâm rất thân-thiết phải noi cửa ấy. Ấy, theo vào được cửa ấy mà xét đến, cũng phải biết rằng chỉ cốt lấy chút phương-tiện mà thôi; hiểu u được lẽ ấy là bước được vào cõi thánh, không hiểu được ấy là lòng-bóng xuất đời, không còn phép nào mà vào được nữa. Có người hỏi ông Duyên-bình tiên-sinh rằng: Phép tĩnh tọa thế nào? Tiên-sinh nói rằng phép ấy khó nói lắm. Tĩnh-tọa dễ mà suy cầu lấy đạo-lý thì không ngại gì, nếu chỉ cầu tĩnh-tọa không, thì không sao được, suy cầu hiểu rõ được đạo-lý tự nhiên là tĩnh, người bậy giờ cầu tĩnh-tọa cho là rảnh việc, ấy là nhầm, bởi vì trong tâm bối rối còn làm thế nào mà hiểu rõ đạo-lý được, phải có tĩnh mới hiểu rõ được đạo-lý.

Chu-hối-Ông nói; Tĩnh-tọa là thế nào? chỉ cốt là sừasang dọn-dẹp cho trong tâm không vọng tưởng thôi vậy.

Nguy-trang-Cử nói. Trong tâm không yên, sự nghĩ này vụt nổi lên rồi vụt mất đi, lại do đến sự nghĩ khác nổi lên, lại biến đi, hàng nghìn hàng mớ là tại làm sao và làm thế nào mà tuyệt được?

Đó là vì cái bản-thể nó tạp nhạp không thuần, công phu trừ được chỉ cốt ở chữ chủ-nhất. Hễ thấy một mối nghĩ ngại không được đều thì cắt đứt ngay, mà hãm cho đều đã định được cái cốt rồi bấy giờ trừ cái nghĩ nhằm trước, rồi trừ đến cái mối nghĩ lòng bóng, tìm cho cùng tận ngành ngọn, chém đứt cho hết manh mối, không nên để những qua.

Lưu-tập-Sơn nói: Tiên-sinh bảo lối tập ngồi tĩnh-tọa,

lúc ngồi thấy những sự nghĩ nhảm càng nổi lên lan man thì làm thế nào? — Cứ luyện đến lúc nó phải tự sừng tự nhận lấy tội mới tốt không thế thì không bao giờ thấy nó được, vì rằng nó đã chôn gốc vùi rễ vào đấy rồi, sao có hể cả ngay được. Lúc không tỉnh-lạ nó cũng vẫn có thể, chứ có phải không đâu, chỉ tại mình không biết mà thôi. Đây là cái cảnh tư-lương trong tâm người ta còn chứ các bậc thánh hiền, còn thì người ta ai cũng thế cả. Trong tâm thoạt biến, thoạt hiện, một khắc đồng hồ thay đổi biết bao nhiêu lần trở không đâu vào đâu làm cho cái bản năng của tâm hao mòn mờ tối một ngày một kém dần, ta thử ngồi yên lặng nhắm mắt chấp tai thử xét trong tâm ta xem, tự khắc thấy rõ ngay, mới biết người mà không học tỉnh không trừ sự nghĩ nhảm thì cái hại không biết là chừng nào.

Sự nghĩ-ngoại của người ta có cái chính cái tà, những sự nghĩ sáng thì còn dễ chế, chỉ những sự nghĩ mờ vẫn không đâu vào đâu thì không biết làm thế nào mà trừ được. Cũng không có cách gì lạ, chỉ cốt biết rằng cái gì không nên nghĩ thì chớ nghĩ; cứ luyện thế mãi lâu lâu thuần-thực, tự nhiên không có sự nghĩ ấy nữa. Thí dụ như người ngồi đã chán thì hai chân chỉ muốn đứng lên đi luôn, lúc muốn ấy mình nghĩ quyết ngay rằng không nên đi, lâu lâu thuần-thực tự nhiên không thích đi, mà ngồi được lâu mãi (Chư-hối-Ông). Đây là phép sửa sang dọn dẹp trong tâm ý cho được quang sạch mà lấy cái tỉnh tự nhiên rất là tinh-thần. Phạm cái tâm người ta ai cũng vậy, không có lúc nào là không có việc, hết cái nọ đến cái kia, biến-hóa ần-hiện chẳng khác gì các làn sóng ngoài sóng, các phim ảnh trong nhà chiếu ảnh, muốn ngắt cho dứt ngay đi thì tuyệt không thể nào được, chỉ có một cách lập quen cái tỉnh nghĩ sự chính định mà trừ sự tà-dám, thì bấy giờ ung-dụng vô sự chủ phải bày vẽ xếp đặt gì vậy.

Phái Lương-khải-siêu, Âm-băng; tuy rằng chưa đủ hết cái công phu chủ-lĩnh, nhưng các công-phu học lĩnh phải lấy cách lĩnh-tọa làm cái phương-pháp nhập môn mới được, cho nên các bậc tiền-nho ai cũng công-nhận cách ấy là cái cửa của pháp phương-tiền.

Chúng ta ngày nay bị ngoại cảnh nó bó buộc tâm-lòng bối rối không có một phút nào được nghỉ yên, nếu không dùng cái phương thuốc lĩnh-tọa mà chữa thì ngày ngày ta chỉ là tôi tớ cái thần sắc của ta mà thôi. Tôi thường tự nghiệm hễ hôm nào bỏ thiếu không lĩnh-tọa thì thần-trí hôm ấy tối tăm vẩn đục. Khi trước tôi ở bên Châu-mỹ các việc bề bộn; đã không có bạn tri-âm; cùng nhau giảng học; lại không có thì giờ thừa xem xét sách vở, chỉ cứ đến ngày lễ nhà thờ, đến nhà thờ Thiên-chúa một lần; trí tôi không phải cốt nghe giảng-đạo; thế mà trong một vài giờ đồng hồ ấy, thần-nhiên hình như là chỗ được an-tâm; lập-mệnh; nhân thấy thế nên tôi càng tin cậy; và than thở rằng: cái cảnh lĩnh-tọa không thể nào bỏ đi được vậy. Biết nghĩ như những người đã đứng tuổi đã phải ra gánh vác việc đời-xuốt ngày vướng vít trong mối trần thì mỗi ngày nên bỏ một giờ hay hai giờ đồng hồ để làm cái thì giờ ngồi lĩnh; để nuôi lấy cái nguyên thần của mình; còn n hư các trẻ tuổi trẻ đương luyện tập ở trong nhà trường; cái thì giờ ngồi học hàng ngày đã nhiều rồi, cứ phép vệ-sinh thì không nên ngồi lĩnh cho mạch máu nó ngưng-trệ lại; vậy thì mỗi ngày cũng nên để một vài giờ đồng hồ một mình ứng dụng đạo chơi các chốn công-viên, hay những nơi phóng khoáng mà lúc đi tản-bộ ấy, nên dẹp hết sự-nghĩ vơ vẩn. Như cái công phu lĩnh-tọa thì thần-tâm mới yên ổn được. Đại-khái mỗi ngày thu liễm được vài giờ đồng hồ, thì cái khế-phách mình có thể thu dùng được hết một ngày vậy. Mỗi đêm ngủ độ bảy giờ để cho cái sức được nghỉ; ấy là một sự cốt nhất của người

vậy. Còn như phép tính-tọa hoặc dùng phép đếm hơi thở; đọc khẩu hiệu; đều là vì lúc mới học tính. Trong mình ý mã tâm viem (nghĩa là hết tường sự này đến sự kia) Tâm ý không được yên như nhau, khó lòng mà đẹp ngay được; hóa cho nên phải mượn cách ấy để chế nó đi. Ông Su-tập-Sơn bảo: không phải bày vẽ cách gì là nói cách của người học đã khá rồi; chỉ lúc mới học thì không sao bỏ được cách này vậy.

Ấy xem đó thì biết hồi thịnh biết chừng nào. Vì sao mà phải học tính và lĩnh có ích những gì?

Học tính của mỗi hạng người thế nào, một bài này cũng đủ cả rồi, không phiền phải dẫn chứng của các bậc hiền-triết lắm nữa. Vì rằng dẫn cho hết thì mấy quyển sách cũng không xẽ vậy. Nói tóm tại đạo học tính tuy phối thái từ đời ông Hoàng-đế, truy-lạc đời Hán-đường, toàn-thịnh đời Tống-minh, là nói về cái học thuyết chuyên-chú về tính đó thôi chứ không phải rằng không cả. Sao vậy? — Vì rằng; cái tôn-chỉ chữ lĩnh của đạo Nho ta phần nhiều ở trong các pháp chủ kính mà ra, Đức Thánh cũng dạy rằng một chữ kính cũng có thể đánh đổ được cả trăm sự tà. Ông Tăng-vấn-Chính lại phát minh ra được chữ lĩnh là ở trong chữ kính mà ra. Kính khiến người ta được khoẻ mạnh, kiềm cả đức-dục lẫn thê-dục, Xem thế thì đủ biết kính tức là tính, lĩnh tức là kính mà hết thầy các bậc thánh-hiền, ai cũng ở trong cái vòng kính tính mà tu tạo nên công-đức, không sai nhảm một chút nào nữa vậy.

Có người ngờ lại hỏi rằng: « Ừ, bác đã nói các bậc thánh-hiền đóng-phương, ai cũng nhờ cái công phu lĩnh học mà làm nên, có tang chứng rõ ràng thực không sai vậy thì còn bên tây-phương kia, từ xưa đến nay, này ra biết bao nhiêu là vĩ-nhân kỳ-khệt mà sao không thấy có môn nào là về lĩnh-học » — Phải, câu hỏi ấy thật không hề thiếu thật, về phần lời đây, Tây học tuyệt không biết, có chăng cũng chỉ xem trong các bản sách dịch mà thôi, vậy thì câu hỏi này đành

xin quyết nghị, "đề đợi các bậc liêm tr Tây-học chỉ bảo. Song tôi xin lấy cái số kiến riêng mà phân-giải ít nhiều, gọi là khối phụ lòng yêu tôi đến ở Tây-phương gần hòn-đồi, khí-hậu rét, rét thì tinh nó thì ấm, nên người cũng trầm-tiền kiên-nhẫn, cho nên người ta số đặc ở cái tinh thiên-nhiên, không như các xứ ở gần ôn-đồi, khí-hậu nóng-nực, tinh người bôn trồn, coi tinh thiên-nhiên kém, nên phải lập ra cái tôn-chỉ tập tành mà thay vào ấy cũng là bởi cái lẽ tự nhiên (chưa đúng theo lẽ cá nhân thì đúng hơn). Lại còn trong sử chép rằng ông Nã-phá-Luân một đêm ngủ có bốn giờ mà lúc đang công việc như rừng; nằm là ngáy ngay, tỉnh lại làm việc ngay, như là trẻ con vậy. Ông Hộ-nhĩ-Tôn khi ngồi chơi trong rừng, sét đánh gãy cây bên cạnh mà vẫn ngủ không sợ. Ông Các-kh-lan-tư-Đỗn thì cứ mỗi chiều bớt việc ra dùng dấm các số xe đi lại, hay các chạc cây, thế chỉ phải là tinh-tọa với luyện cho tinh-thần chuyên-nhiệt là gì; như các hiền-triết Hi-lạp, La-mã, cũng nói đến các cách chủ tinh nhiều, ngặt vì kỹ-giả Tây-học thô thiển không sao biết được, nếu cứ bằng các bản dịch văn, thì khối sao được sai lầm, thì rằng chịu không còn hơn. Ông Lục-tương-Sơn nói rằng: bất cứ bề đông hay bề tây, hề có thiên nhân nào ra cũng cùng lòng ấy lẽ ấy. Các cách tu-trì các bậc hiền-triết ta đây bảo cho ta cũng đã nhiều lắm. Ông Tăng-vưu-Chính dạy: tinh là đề cho thân mình nó định, thân đã định còn ai giám nhơn, có phải tránh đi không ở với người, đề ngồi lý đầu, phải nghiêm chỉnh, định-tinh như lời việc ba quân, ba quân tuy rối rít mà ta vẫn chuyên có một niệm, ta mà tôi được đó cũng là tuyệt lắm rồi.

(còn nữa)

Thiền-Chữ

Phật-học với sự thực-tế

(Tiếp theo số 164)

Nhiều nhà chép sử chuyên môn về đạo Phật muốn tả cái cảnh lúc Phật giác-ngộ, nói rằng Phật đã gặp đức Phật quá khứ trong lúc ấy. Vậy Phật đi vào một nơi mà không ai có thể đi tới được, vì ngài đã thấy những « dấu vết của đức Phật quá-khứ ». Điều này cần phải suy nghĩ nhiều lắm. Về phần tôi, tôi cứ dầu tin rằng, nếu Phật đã thành Phật, không phải ngài đã đột nhiên và tự ngài khám-phá ra cái « giác-ngộ », nhưng ngài đã chân-thành thấu triệt được cái bậc tinh-thần của đức Phật, vị đại-hiền có từ trước đức Phật ra đời. Thật vậy, Phật đã hiểu được những giáo lý của các bậc Đại-tiền-bối của ngài để lại; đức Phật quá-khứ này hay đức Phật ra đời trước Phật không phải là những người huyền-hoặc mà sau này ta tưởng tượng. Có lẽ trước khi Phật ra đời, đã có nhiều bậc trí-tuệ được tôn như các bậc thánh. Phật phải nhờ ở những điều di-ngón của các bậc tiền-bối ấy mà giác-ngộ, và hơn nữa Ấn-độ lại là xứ trọng lời thành-hiền. Vậy ta hiểu được ngay vì sao mà các Phật-tử bản-xứ hay tìm dấu vết của Phật trước khi Phật ra đời.

Lối tư-tưởng này dùng để kết-án cái tư-tưởng cho rằng Phật giác-ngộ bằng một cách đột nhiên mâu-nhiệm. Những « vết của đức Phật quá-khứ » giúp ích rất nhiều cho một cái căn cứ chắc-chắn của cái tư-tưởng giác-ngộ.

Song lẽ, cũng có người tin rằng sự giác-ngộ của Phật thụ lĩnh được trong một ngày kia hồi ngài 36 tuổi, không phải là cái sản vật của một lúc rất ngắn ngủi, tinh cò, nhưng trong mấy năm Phật đã tu luyện dần được. Thật vậy, tất cả những tư-tưởng của Phật không phải là có ngay trong lúc giác-ngộ ấy; Phật còn sống những 45 năm nữa, vậy, nếu bảo rằng tư-tưởng của ngài đã thụ lượm cả trong lúc ấy, thì thật là sai, chắc chắn là phải có nhiều thời kỳ tiến-bộ, tiến-hóa và biến-hóa. Tất cả những tư-tưởng và giáo-iy ở trong kinh đều xếp đặt thiếu chặt-lực, chỉ trừ ra mấy

quyền vừa soạn trong mấy năm gần đây. Dầu rằng ngài phải theo chiều biến-hóa cách-mệnh, Phật không hẳn là đã hoàn-toàn làm song cái địa-vị của ngài hồi 36 tuổi; ta có thể chắc chắn rằng ngài cứ dần dần nâng cao cái địa vị của ngài sau những thí-nghiệm của ngài. Khi các kinh-diễn của đại-thừa xuất-bản, ta được chứng-kiến những cuộc cãi-lý về cái quy-linh của những kinh - diễn có những tư - tưởng mà Phật thuyết-phap về mấy năm sau cùng. Sự bán-lán này không ích lợi cho chúng ta là mấy nhưng nhờ ở nó ta có thể nhận thấy rằng, tùy theo ở niên cao, và ở kinh-nghiệm Phật cũng có thể tiến-bộ được. Đã đành rằng, tư-tưởng của ngài không phải tùy theo ở tuổi của ngài, khi mà chúng ta tôn-quý nó. Song, nếu xưa nay người ta vẫn trọng những kinh diễn cổ hơn thì đó có phải là một cơ cho rằng Phật đã được cái là hoàn-toàn hồi 36 tuổi không? Giác-ngộ không phải là cái chấm lồi cao của Phật.

Tôi vừa giải bày những sự quan-sát của tôi về nghĩa cái giác-ngộ. Dầu rằng sự hiểu chữ ấy đã gây ra nhiều cách huyền nghĩa, nhưng chúng ta cũng vẫn đồng ý cả ở một chỗ; hồi 36 tuổi ngài thanh-niên Cồ-dàm đã ra khỏi một đời tu-hành cần-khở. Ngài đã hàng-hái làm lộn một sự biến-hóa bề trong và cách-mệnh lớn một sự biến-hóa đáng chú-ý, không phải là nhờ ở những giới luật tỷ-mỉ đã viết sẵn mà mới có được một sự biến-hóa như vậy, nhưng nhờ ở sự khám phá ra một thế-giới mới, một sự động chạm tâm-lý đầy sự yếu đương diệu-dàng, Giác-ngộ không phải là một sự tiến-hóa trí-tinh, cứng cõi và chốc lát, nhưng nó là một bước đường của lòng thương xót đi liền với cái lý giải rõ ràng và khéo-léo. Cái tinh-tinh nó gây ra điều đó là một tình hoàn toàn giống như những con mắt yếu đời nhìn khắp nhân-loại không phân-biệt giai-cấp. Đáng lẽ quăng đời sau khi giác-ngộ, Phật phải bắt nó theo đúng luật-lệ, không, ngài cứ để nó

tự do theo cái nguồn vô tận tư-tưởng của ngài. Điều kinh nghiệm này của sự giác-ngộ cảm hóa được những cái tâm của con người ta và làm cho cái tinh-thần của họ được cao-thượng một cách tự nhiên. Chính đó là cái lý mà khi các đồ đệ hay tin-đồ nhìn Phật nghe Phật tự cảm thấy được phấn-khởi, được che chở và nghĩ điều lành bỏ điều ác. Sự giác-ngộ của ngài có cái vẻ thân-mật, bình dân, cảm-hóa dân-chúng được một cách nhẹ bồng như không cần phải bắt nét họ như một cái triết-lý khô khan và nghiêm-khắc. Phật chỉ bảo cho hạng người tri thức biết thêm. Phật cũng thuyết-pháp cho cả dân chúng không bao giờ ngài sao-nhãng những người nghèo đói và những người xấu-xa. Trong sự giác-ngộ cái xấu-xa và cái tả thật là những điều cần biết đi đôi với nhau.

Bốn mươi năm hoạt-động của Phật

Người ta nói rằng, sau khi giác-ngộ được Phật có ngay năm vị đồ đệ ở thành Bénarès, và bấy giờ ngài bảo với các vị ấy rằng tên ngài không phải là Cồ-đàm (Gautama) nữa, mà là Phật (Bouddha). Tôi không biết rằng câu chuyện này có đúng hay không. Phật nghĩ là người «giác-ngộ», cái tên chung dùng để chỉ không những các thầy tu Phật-tử, mà lại còn dùng để chỉ cả các bậc đại-thánh-liên về thời ấy nữa. Chữ Phật là một tiếng của sự tôn-trọng, nó cùng nghĩa với chữ Đại-sĩ, chữ Thế-tôn, chữ Như-lai hay chữ ứng-cúng. Vậy, ta có thể, chắc được rằng Phật muốn cho người ta gọi ngài như thế, nhưng tự-ý các vị đồ-đệ của ngài Cồ-đàm đã gọi ngài là Phật cũng lại là một việc tự-nhiên hơn.

Phật cắt nghĩa cho năm vị đồ-đệ này rằng: Cái pháp (Dharma) gồm có bốn điều chân-lý (tứ-đế) và tám con đường chính (bát chính-đạo). Bốn điều chân-lý là những cái tôn-chỉ mà ta có thể kết-luận nói rằng: «Đời là một cái bể khổ. Cái khổ này sinh ra chỉ vì lòng dục-vọng. Muốn trừ được nỗi khổ ấy

ta phải theo tám con đường chính ». Người ta nói rằng, về thời đại ấy, bốn điều chân-lý này có can-hệ với phép y-học lắm; điều này cũng có lẽ lắm. Không biết rằng có phải con số này chỉ riêng có đạo Phật dùng không, nhưng có lẽ nó cũng căn-nguyên & phong-tục của thời ấy. Bốn điều chân-lý này, mà Phật đã dạy, rạn vỡ phân-minh cho ta, biết cách tư-tưởng của thời đại ấy, nhất là điều thứ nhất; cho rằng đời là một cái khổ. Bấy giờ người ta tỉnh ra loài người có tám cái khổ, cái khổ của sự sống, của sự già, của sự ốm đau, của sự chết, từng này cái khổ lại thêm cái khổ muốn mà không được, cái khổ ghét nhau mà phải gặp nhau, và cái khổ yêu nhau mà phải xa nhau, và cái khổ về cái thân ngũ-âm. Bấy giờ ở Ấn-độ một cái triết-lý đối với cái khổ như vậy rất được phổ-luông, nhưng đối với chúng ta một thuyết bi-quan yếm-thê như vậy thật là khó hiểu. Có phải đời là một bề khổ như người Ấn-độ tưởng-tượng không? Nếu chúng ta cho như vậy, thì chúng ta sẽ thấy vạn vật là buồn lẽ là đau khổ, nhưng nếu chúng ta nhìn vạn vật bằng một mặt nạ khác, thì tất nó đối với chúng phải hình như là xung-xướng là vui vẻ. giải nghĩa đời là một cái khổ không phải là một cách tư-tưởng khoa-học và hũu-cơ, và, ít nhất đối với chúng ta đã sống trong đời mới này, thì cái triết-lý này không thể nhận ngay lập tức được; nó chỉ có thể ứng đối cho xã-hội Ấn-độ bấy giờ thôi, và có lẽ nó chỉ là một cái triết-lý thi-hành được cho những người sống dưới cái chế-độ kinh-tế, mà kẻ nô-lệ đang bị phá chủ, người ăn dư, chực-lợi. Những người không bị bắt buộc làm việc nặng-nhọc, thường có những tư-tưởng quá lý-tưởng và quá tri-tính; họ không biết đến sự thực-tế của đời. Nên, một cái triết-lý bi-quan như vậy rất hợp với các người không bao giờ phải làm việc để kiếm ăn, hay những người tu-hành sống bằng đồ bố-thí của xã-hội. Còn cái khổ về cái thân

ngũ-âm, chỉ có những người từ-chối sự sống chỉ cần tu-luyện tinh-khần công-nhận thôi.

Cái chân-lý thứ hai là câu trả lời cái chân-lý thứ nhất, và nó mới nắm lấy cái nguyên-nhân của cái khổ. Những nhà triết học sung sướng Ấn-độ, không bao giờ nghĩ tới cái khổ kinh-lẽ, nên chỉ thấy cái tư-tưởng mà nó bắt buộc ta phải sống như vậy. Người bấy giờ cứ tin rằng một đời tu hành cần khổ như vậy mới có thể đưa người ta đến một nơi vắng lặng đầy sự an lạc, và chỉ có cảnh ấy mới chứng được sự « giác ngộ » mới tránh được những sự mê lầm, mới ra ngoài được vòng luân-hồi. Trong các hạng người nhân dối và trong những người không cần sinh lợi, sự giải-thoát (Mokṣa) là đáng tôn-quý nhất, và đi tu là một cách tiện nhất để có lẽ chứng được sự giải-thoát.

(còn nữa)

Nghiêm-văn-Hội

SINH TỬ⁹

Sinh tử là một nền rất to tát, tri hèn. tuệ kém, tôi đâu dám nói đến, song tôi thấy người đời thường dùng bốn chữ « Sinh-ký tử-quy » để làm một câu chuyện đùa môi trong các những tang-gia. Tôi nghĩ bốn chữ ấy có thể bao quát được cái nghĩa thiết yếu trong vấn-đề sinh tử. Vậy nên tôi cũng tin dùng 4 chữ « sinh-ký tử-quy » ấy để làm cái máy phát-động để bàn về vấn-đề sinh-tử mà chứng thực bằng Phật pháp.

Thưa các Ngài từ thành-thị, cho đến thôn quê, trường như 4 chữ sinh-ký tử-quy ai ai cũng đều hiểu mà không thấu đáo. Thế nào là không thấu đáo? Ví dụ như người ta thường nói rằng: « Sinh ra là gửi. mà chết là về » chỉ nói như vậy thôi, mà chẳng hiểu gửi ở đâu?

về chỗ nào?

Nếu như người đời hiền chắc chắn chỗ gửi chỗ về rồi, hi trong những đám ma mua đầu được tiếng khóc, trong những nhà sinh nở chuốc đầu được nụ cười. Trái lại đời không phải thế, chết cứ khóc. sinh nở cứ cười!

Nếu nói rằng sinh ra là vui mà cười thì sao, đũa bé kia không cười mà lại khóc? Nếu nói sinh ra trong nhà thêm được một người, nhiều người thành vui, vui cho nên cười, thì sao một nhà kia vợ chồng lo sớm không có chiều, đũa này khóc, đũa kia rên, đũa này đau, đũa kia thuốc, có người đến hỏi, lại nói «tôi chỉ khổ vì nhiều con». Còn nói rằng chết là xa nhau mà khóc. thì sao một vị ở Nam từ biệt gia đình, ra làm quan chức gi ngoài Bắc, những người phải xa vị quan kia sao không khóc mà lại cười. Nếu nói rằng xa là tạm thời mà còn gặp, chớ chết là mất hẳn không bao giờ gặp thì sao anh A thù anh B không những không muốn bao giờ gặp mặt anh B, mà lại còn trông cầu cho B chết nữa. Vậy sinh con ra nên khóc ư? có người chết nên cười ư! chính thế! Nếu như chưa hiểu thấu đáo 4 chữ «sinh-ký-tử-qui» là thế nào rồi, thì rõ biết người ta sinh ra chỉ để chực cái nghiệp-báo già, đau, sống, chế mà thôi.

Từ khi mới lọt lòng mẹ, oe oe ba tiếng khóc chào đời, cho đến khi trăm tuổi, cái thân phải trải biết bao nhiêu sự cực khổ; không những mới lọt lòng mẹ ra phải chịu cái khổ 9 tháng 10 ngày chưa từng thấy, cho đến khi muốn bú mà mẹ cứ bắt chơi, muốn thức mẹ cứ bắt ngủ, muốn mát mà khi trời cứ nóng, muốn ấm mà khi trời cứ lạnh, muốn trẻ mà thân cứ già, muốn ăn mà răng long ăn không được, muốn mạnh mà bệnh cứ đến, muốn sống mà chết cứ theo, như thế thì đáng gì mà mừng, mà vui, mà cười. Vậy thì chết là sướng là vui sao? Vàng! chết là vui, vui đã lia bỏ được cái cảnh ô-trước đầy những tham, sân, si, những tâm hồn đua chen vị-ngã và được qua một cuộc đời khác,

hoặc được vãng-sinh cục-lạc.

Hết đời này có đời khác, có mà ai cũng đều được vãng-sinh cả sao? Vãng, vãng-sinh không phải số nhiều song vãng-sinh hay không, thường trong những đám nghèo nàn, đau đớn kia, ai cũng cầu muốn chết cho khỏi khổ, không những người nghèo muốn chết cho khỏi khổ, mà cho đến những bậc phú quý, mắc phải bệnh ho lao bệnh mù, cũng cầu chết cho khỏi khổ, thế thì chẳng đáng buồn, đáng khóc hay sao?

Nói sống gửi cũng phải biết nguồn gốc cái sống nó ở đâu mang đến mà gửi, ví dụ như một học sinh ở Annam du học bên Pháp, thì cái chỗ ở của học sinh ấy quyết định là ở Annam đem sang gửi bên Pháp mới được. Nếu như nói rằng đứa trẻ kia ở trong bào thai đem ra mà gửi cho đời, thì khi mới thụ thai nó ở đâu nó đến? Nếu nói rằng thai ấy do âm-dương tạo thành, thì huyết-khi ở trước kia, chỉ sinh ra được cái thân hình, chớ sao lại có cả kiến, văn, giác, tri? Nếu nói rằng thấy, nghe, hay, biết kia là của cha mẹ san sẻ cho thì khi cha mẹ sinh ra mười người con với khi chưa sinh đứa nào, cái thấy nghe, hay, biết của cha mẹ có bớt chút nào không? Nếu nói rằng có bớt thì một người sau khi sinh mười người con phải là một người mù lòa, đui, điếc. Vậy thì ở đâu mà đến? Vua Khang-Hy bên Tàu khi ngộ đạo Phật có làm một bài kệ, trong có hai câu: **phụ mẫu vị sinh thùy thị ngã, sinh ngã chi thời ngã thị thùy** 父母未生誰是我, 生我之時我是誰 nghĩa là cha mẹ chưa sinh ta, ai là ta, sinh ta rồi, ta là ai? Xem thế thì biết rằng không phải không có chỗ đến! mà cái đến đây tức là cái vô-minh từ vô-thủy của chúng sinh, nếu nói cái thân mà có cả kiến, văn, giác, tri, này là do vô-minh mà đến! Vậy thì cái « vô-minh » kia ở đâu mà đến? Thưa! câu hỏi đó rất nan giải, vì đã nói là vô-minh thì không thể nói ở đâu mà đến và đến từ khi nào được; ví dụ như một người vì đau mắt mà vọng thấy hoa đốm ở hư-

không, đến khi mắt lành thế hoa kia cũng vọng-diệt; người đau mắt chẳng biết hoa đốm sinh khi nào? diệt khi nào? Nếu như vì đau mắt mà nơi hoa kia thiệt có ở hư-không, thì sao nó không kết quả ở hư không?

Còn nói về chữ « gửi » thì đó khi mới thu-thai gửi ở bào thai, khi lọt lòng ra gửi ở tay, cha, mẹ, anh, chị chú, bác, cô gi cho đến người ăn, vú ở, khi có gia-dinh chồng gửi cho vợ, vợ gửi cho chồng; khi già yếu gửi cho con, khi chết gửi cho đất.

Sống đã có chỗ gửi, thì thác cũng phải có chỗ về mới có tiếng « về ». Ví dụ như một người đi chơi phố về, thì cái chỗ về của người đi chơi phố quyết định là cái « nhà ». Vậy thác về cũng không khác, cũng phải có cái chỗ cho người thác về mới được; nhưng cái chỗ « về » đây không phải là một chỗ như người ngoạn cảnh về, kia mắt chúng ta thường thấy, vì chữ về đây là tùy theo nghiệp-lực và nhân-quả mà về, ví dụ như làm hạnh giải-thoát thì chết được vãng-sinh cực-lạc, làm hạnh tham lam thì sinh về ngã-qui; làm hạnh độc-ác thì sinh về địa-ngục, làm hạnh dâm-dục thì sinh về súc-sinh, tu thập-thiện thì sinh về cõi trời, tùy theo sự huân-tập mà sinh về các cõi sai khác; chớ chẳng phải như ngoại-đạo xưa nói có một ông Thần, khi chết ông thần kia bắt đem về nước đầu!

Nói đến vãng-sinh thì ai mà không ra, vì cõi Phật là nơi an-lạc vô-sinh, đến những người mới đến cảnh chùa cũng còn ao ước, hưởng chỉ những bực tri-thức hay những người hăng hăm mộ đạo Phật. Nhưng muốn về mà không tìm đường về thì không khi nào đến mục đích, ví như người đói mà không ăn thì biết bao giờ no; Về cõi Phật kể ra có 84.000 đường, song đường tiện lợi nhất thì có sáu; sáu đường ấy tức là Bồ-thị, Tri-giới, nhãn-nhục, tinh-tiến, thuyên-định, và tri-tuệ.

Muốn chứng được cái thể vô-sinh kia thì xin cứ theo sáu đường nói trên mà tu tập sẽ được công-đức vô-

lượng vô-biên. Vì bố-thi thì được công-đức diệt trừ tâm tham-lam; nhẫn-nhục được công-đức diệt trừ tâm sân-hận, tri-giới thì được công-đức không sát, đạo, dâm; tinh-tiến thì được công-đức diệt trừ tâm chán nản, tri-tuệ được công-đức diệt trừ tâm nhác nhỡm, thuyên-định thì được công-đức diệt trừ tâm tán loạn, trí-tuệ được công-đức diệt trừ tâm sy mê, nhưng muốn thành tựu sáu món công-đức trên kia cần phải xa lìa 4 tướng nhân, ngã, chúng-sinh, thọ-giả mà nhận lấy cái thể duy nhất: nghĩa là phải bỏ những tướng phân biệt thế-gian thường chấp như ta bố-thi cho người, bố-thi cho chúng-sinh, bố-thi cho được sống lâu v.v.

Thế nào là duy-nhất? Duy-nhất nghĩa là một mà không phải một; thế nào là một mà không phải một. Ví dụ như trong một cái biển mông mênh, trong đó có một chiếc thuyền mà người chủ thuyền kia nhận là một, nói là một thì tất nhiên phải có cái đối đãi với cái một, nếu như có cái đối đãi với cái một tức là có hai; ví dụ như thuyền là một, người nhận thuyền nữa là hai; mà nói là hai thì thành có **năng**, có **sở**, mà có **năng** có **sở** thì có ngã có nhân, chúng sinh, thọ giả.

Thế nào mới đúng cái nghĩa một mà không phải một? Ví dụ như một biển nước bao la, chúng ta lấy sáu cái chai múc sáu chai nước, sáu chai nước kia pha thành sáu sắc khác nhau, người ngu sy thì nhận lấy sáu sắc kia mà đành quên có chỗ nước biển, người thông minh thì nhận rằng sáu sắc tuy có khác mà bản tính nó là nước biển, đã gọi là nước biển thì tuy sáu mà là một; một mà không phải một là như vậy.

·Ai là người sùng bái đạo Phật, thực hành đạo Phật, xin cứ theo sáu con đường kể trên mà tu tập thì lo gì công-đức không thành-tựu; khi mà nhân-viên quả-mãn rồi thì lo gì mà Tịnh-độ chẳng hiện tiền, địa-ngục không biến thành thiên-cuug, Ta-bà không biến thành Cực-lạc.

T Thanh-Kiền

Tôi tu Tịnh-độ

(Tiếp theo số 133 và hết)

Đến địa-vị Phật, thì không có cái gì là không tốt, không còn mong sự tốt khác nữa, không còn có cái gì hại nữa như thế việc gì Phật còn phải nói xằng nói dối nữa ru? Vì thế những người Phật nói, không có có gì mà không tin được. Nếu người Phật nói ra mà còn không tin, thì không còn người ai là tin được nữa. Vì thế nên tôi dám khuyên các anh em chị em thiện vàn đấng ngở một chút nào nữa mới được.

Nay tôi lại kể mấy sự tích tin Phật được hóa sinh cho các anh em chị em nghe.

Về thời nhà Đông-Tần có một vị sư, thành tâm niệm Phật, tên là Tuệ-viên pháp sư, tu ở trên núi Lu-sơn thuộc tỉnh Giang-Tây, lập nên một hội niệm Phật. Một hôm nọ, đang lúc niệm Phật, bỗng thấy đức A-Di-Đà-Phật và hai đức Quán-thế-âm bồ-tát, Đại-thế-chí bồ-tát đứng cả trên hư không giữa trời, bảo Tuệ-viên pháp-sư rằng: « Bây giờ này thì được hóa sang xứ Phật. Đến hôm thứ bảy qua nhiên pháp-sư ngồi mà hóa mất. Vị sư ấy tức là vị tổ-sư niệm Phật thành công ở nước Tần trước nhất. Từ khi Tuệ-viên pháp-sư hóa rồi, những người nối tu sau được hóa sinh, không biết bao nhiêu người nữa. Hồi nhà Tống, có một bậc tiền-sĩ ở Bắc-kinh, vốn là người ở đất Long-thư, họ Vương tên là Nhật-hư. Ông ta là một người học vấn rất thâm, không thích làm quan, tình nguyện đi dạy các con em nhà tin đạo Phật, và gặp ai cũng hết sức khuyến tin đạo Phật, mà chính ông ta thì trong hằng ngày, lúc nào cũng niệm Phật, đến hôm chết, chính giữa lúc ông ta đang niệm Phật, bỗng nói rằng: « Kia Phật đã đến tiếp dẫn ta kia kia ». Nói dứt lời thấy đứng trở ra; bọn học trò chạy lại gần xem, thì ra ông ta đã hóa rồi. Đây anh em chị em xem thế có lạ lùng không? Ông ta lại còn làm ra một bộ sách gọi là « Long-thư Tịnh-độ văn », chuyên một mặt khuyên người niệm

Phật đề cầu hóa sinh sang cõi tây-phương. Quyền sách ấy chính tay ông ta cho khắc mà đi đến đâu cũng lại khắc thêm, khắc đi khắc lại có tới hơn 20 lần. Sở dĩ ông ta khắc nhiều thế là cốt cho ai nấy đều hiểu cái tốt cái hay của đạo Phật vậy. Sau khi ông ta mất rồi, có người lại khắc lại sách của ông và vẽ cả bức tượng ông đứng hóa mà khắc lên đầu sách đề tỏ ý sùng-bái ông. Về sau lại có một ông quan tên là Lã-nguyên-ích là người trước vẫn tin nhờ sách Long-thư tịnh-độ mà tu-bành cũng lại khắc thêm một bản nữa mà ở giữa lại vẽ thêm ba viên Sá-lý (1) nữa. Đấy các anh em chị em xem thế có lạ không ? Những sự-tích ấy đều là sự thực có cả. Không những một mình Vương-long-thư tiên-sinh có sự lạ lùng thế thôi đâu, lại còn bao nhiêu người tu được như thế, có tên có sách lưu-chuyền về sau, kể không siết được, có lẽ nào ta không tin được ru !

Lại có người hỏi rằng : « Tôi cũng từng niệm Phật luôn luôn, nhưng không hiểu vì có gì mà lúc không niệm Phật thì không sao, hề cãi tiếng niệm Phật thì trong lòng rồi beng ; lúc nghĩ cái này, lúc lại tưởng cái khác, không có một phút nào yên muốn cho yên lặng, càng thấy lộn sộn , không sao mà nhất tâm nhất chí niệm Phật được, nghĩ vợ nghĩ vẫn thật là khó chịu, như thế e rằng niệm Phật cũng không có ích gì ? » Xin giả lời rằng : ngoài miệng niệm Phật, trong lòng nghĩ vợ vẫn thì thực là không hay. Đó chẳng qua là một người tầm thường, vẫn lòng vợ vẫn, thoát mới niệm Phật, đã đòi lĩnh làm sao được. Các anh em chị em cứ cốt thành tâm mà niệm, lâu lâu tự khắc thấy tỉnh tỉnh dần, không thể nóng nảy cầu lấy ngay được. Vẫn lại trong lòng chúng ta, nguyên lai nó vẫn rồi beng, chứ không phải niệm Phật rồi nó mới rồi beng đâu. Chẳng qua trong lúc niệm Phật thì mới biết lòng mình là rồi beng, chứ thực thì khi chúng ta không niệm Phật, trong lòng nó cũng vẫn rồi beng mà ta không biết đó thôi. Ví như trên giới không kia, vốn là nhiều bụi, chẳng qua ta không trông thấy đó thôi, đến lúc mặt giới loe ra thì ta mới thấy rõ là vô số bụi.

1. Sá-lý là các vị đã tu thành công, khi đem thiêu cái sắc thật ấy đi có hòn ngọc thỏi ra, rắn hơn ngọc kim-cương đó tức là cái công đức kết quả của sự tu vậy.

Lúc ta không niệm Phật, không biết rằng lòng ta rồi beng, không phải là không rồi beng đâu, chỉ vì mình không tự biết mình đó thôi, cũng như bụi ở trong giới, lại là lúc chưa có bóng mặt giới sáng, nên chưa trông thấy, chứ có phải là không có bụi thực đâu, chỉ là ta không trông thấy đó thôi. Ví như bụi kia, không phải là tới lúc có ánh sáng mặt giới mới có, chỉ là vì lúc có sáng rồi mới trông thấy đó thôi. Bây giờ chúng ta niệm Phật, biết được rằng lòng mình rồi beng, nhưng nói cho đúng thì so với lúc không niệm Phật đã tỉnh hơn rồi, đã biết được thế là đã có tiến-bộ rồi, cứ chịu khó mà thành - tâm niệm mãi, thì mỗi ngày một khá mãi lên, dần dần sẽ không thấy rồi beng nữa. Tôi lại có một phép rất giản-tiện, xin mách các anh em chị em, để các anh em chị em biết mà dùng, thì sẽ thu phục được lòng mình nó chóng tỉnh.

Cách ấy là lúc niệm Phật, bất cứ niệm to hay niệm nhỏ cốt nhất phải nghe lấy tiếng mình niệm cho dành đợt, một mặt niệm, một mặt nghe, tự nhiên lòng mình không vờ vẩn lảng ra cái khác nữa, tự nhiên nó quy về một nơi, ngày ngày tập quen, tự nhiên không thấy bối rối nữa.

Ấy là một cách tôi đã kinh-nghiệm, thực là dễ dàng, nếu các anh em chị em không tin, xin cứ thử xem, sẽ biết nói tôi là đúng.

Có người lại hỏi tôi rằng : « Tu trì đạo Phật, không còn gì hơn, lẽ ấy tôi đã hiểu rõ rồi; nhưng tôi còn thấy nói có một phép tu thành Phật nữa, gọi là phép Tham-thuyên 參禪 (tức là cách học nhập-định, lặng xét hết cái căn bệnh ác mà trừ đi và xét rộng ra mọi lẽ để bác cao trí-tuệ lên) làm sao chỉ bảo chúng tôi có một cách niệm A-di-đà-Phật mà không bảo cách tham-thuyên ?

Thưa rằng: Tu cho thành Phật, thật có nhiều cách, như giáo-tôn 教宗, luật-tôn 律宗, mật-tôn 密宗 v.v. đều có thể đắc-đạo cả, nhưng xét cho kỹ thì các phương pháp ấy rất khó khăn, không được giản-tiện dễ-dàng. Ôn đáng bằng cách niệm Phật cầu cho hóa sinh sang tây-phương kia. Ý

tôi chỉ nguyện cho tất cả mọi người ở trong cõi đời này đều tu được thành công cả, cho nên tôi chỉ nói một cách ấy thôi. Cái cách tham-thiền, tuy cũng hay thật, nhưng cách ấy chỉ cậy ở sức mình cả, so với cách niệm Phật, một khó một dễ, xa nhau thật chẳng khác gì trời với đất. Vì thế tôi e rằng nói ra thì càng thêm rối trí người, mà tự chất kém thì có tu cũng công toi. Người nào lòng chưa được thật sạch, thì lại bị ma ám, không những không tu thành Phật mà lại phải đọa-lạc vào lối khổ nữa. Thế cho nên tôi chỉ nói một cách niệm Phật, cầu cho sinh sang cõi Cực-lạc thôi. Còn như nói đến đạo-lý sâu-xa của đạo Phật và các cách tu-hành khác, thì phải những người chữ nghĩa thông-thái, tư-bhâm cao-siêu, tự xem lấy kinh, tự xét lấy nghĩa, mới có thể được, chứ như các bài tôi nói đây, thì chỉ chuyên về một mặt nói cho các người không biết nhiều chữ, không có thì giờ học thôi. Song, các anh em chị em nên hiểu cho rằng các bài tôi nói đây đều là rút ở các kinh Phật ra, thực là tôi không có dám thêm đặt một câu nào để lừa dối ai mà lại tự làm hại tôi phải đọa vào nơi địa-ngục. Chỉ vì rằng văn tự trong kinh Phật, rất là thâm-thúy, người thường khó hiểu thấu được, cho nên tôi phải dụng-công diễn dịch ra Quốc-ngữ để cống-hiến các anh em chị em và mong rằng các anh em chị em ai nấy đều phát tâm niệm Phật để cùng đất-dầu nhau tới cõi Tây-phương, hưởng cái sướng vô cùng, vô-tận, ấy là một tấm lòng chí-nguyện của tôi vậy.

A-DI ĐÀ-PHẬT

HẾT

Phật hóa nhân gian

PHẬT NÓI LỄ VÔ THƯỜNG

Xưa kia Phật ở nước Xá-vệ, trú nơi tinh xá, trong vườn ông Cấp-cô-Độc, bên rừng cây Kỳ-dà thái-tử, khi đang thuyết-pháp cho các đệ-tử nghe, bấy giờ ông Phạm

chỉ có một người con gái độ mười bốn mười năm tuổi, có vẻ đoan chính, và thông-minh lắm, người cha rất thương yêu. Nhưng chẳng may hốt nhiên bị bệnh nặng rồi chết, lại thêm lửa chín ngoài đồng bị lửa thiêu sạch cả. Ông Phạm-chí bị những tai nạn, lo buồn khổ não rồi rít như vậy, mất cả trí khôn, như người điên dờ, không có thể nào mà tự-giải được, Ông được nghe nói Phật là một vị Đại-thánh, là cha cả thiên, nhân, Kinh pháp của Ngài nói ra khiến cho người ta quên được sự lo buồn, trừ được hoạn-nạn. Thế rồi ông Phạm-chí đến ngay chỗ Phật, quỳ dài chấp tay làm lễ mà bạch rằng : « Bạch đức Thế-tôn! con hiểm-hoi lắm, chỉ được một đứa con gái, con rất yêu quý, đến nỗi còn quên cả sự buồn rầu, chẳng may hốt nhiên nó bị bệnh nặng nó bỏ con nó đi rồi, con rất đau lòng thương sót, không thể kể xiết, cúi xin đức Thế-tôn rủ lòng thương lấy sức thần khai hóa cho con hết sự ưu-sầu » Bấy giờ Phật bảo ông Phạm-chí rằng « ở thế-gian này có bốn sự không thể nào jâu bền mãi được. Những gì là bốn ; Một là sự vật gì có thương tất có vô-thương ; Hai là giàu sang phú-quý cũng có ngày bần tiện ; Ba là có tụ hợp tất có ngày ly-biệt ; Bốn là dù khỏe mạnh đến đâu rồi cũng có ngày phải chết. » Đoạn rồi đức Thế-tôn thuyết ngay bài kệ rằng:

Rằng thương tất có vô-thương.

Rằng cao thì lại lại càng ngã đau,

Rằng hợp có lúc liê nhau.

Rằng sinh tất phải chịu cầu tử kia

Ông Phạm-chí được nghe lời Phật dạy như vậy, liền hết sự lo buồn và nguyện xin làm Tỷ-khiêu. Phật làm như thế rồi, tóc râu tự rụng, thành một vị Tỷ-khiêu, ngộ chứng ngay được quả A-la-hán,

LỜI BÀN GÓP Ôi! phải chăng đời là vô-thương? là mộng ảo? Phải lắm. Lời Phật dạy có thể nào sai được. Phàm vật gì trên thế-gian này, có hình là có hoại, có hợp là có ly, có sống là có chết, nếu ta thấu hiểu được cái lẽ vô-thương của Phật-Pháp thì cái giây phiền-não kia nó sẽ không thể nào ràng buộc được ta.

Xưa kia khi Phật đang thuyết-pháp trong vườn trúc, có bốn anh em ông Phạm-chí, người nào cũng có đủ năm phép thần-thông, ai cũng biết bầy ngày nữa mình sẽ chết mới hội họp cùng nhau nói rằng : « Cái sức thần của năm pháp thần-thông có thể che lấp được trời-đất, tay có thể vờ tới mặt trăng mặt trời, bặt được núi, khai được sông, không cái gì không làm được, thế mà lại không tránh được khỏi cái chết hay sao ! » Thế rồi người thứ nhất nói rằng : « Tôi lặn xuống giữa bể lớn thì con quỷ vô-thường sẽ không biết tôi ở chỗ nào » Người thứ hai nói : « Tôi trốn vào giữa núi Tu-di, thì con quỷ vô-thường sẽ không biết tôi ở chỗ nào » ; Người thứ ba nói : « Tôi trốn vào trong giữa chợ đông, thì con quỷ vô-thường sẽ không biết tôi ở chỗ nào » . Người thứ tư nói : « Tôi bay lên trốn giữa hư-không, thì con quỷ vô-thường sẽ không biết tôi ở chỗ nào » .

Bốn người bàn bạc xong đem việc ấy đến tâu với Vua rằng : « Tàu bệ-hạ ! chúng tôi chỉ còn sống được bầy ngày nữa, nay muốn đi trốn, mong thoát được cái mệnh chết ấy chẳng, vậy chúng tôi xin đến chào bệ-hạ, nguyện đức vua ngày được tinh tiến. » Thế rồi bốn người cùng cáo biệt vua mà đi trốn. Nhưng sau cái kỳ-hẹn bầy ngày kia thì người nào cũng chết như quả chín tất là phải rụng

Bấy giờ có người giám-thị (người coi chợ) vào tâu với vua rằng : « Tàu bệ-hạ ! có một ông Phạm-chí hốt nhiên chết giữa chợ ». Vua nghe nói, lên tỉnh ngộ và than rằng : Bốn người đi trốn, một người đã chết rồi, chắc còn ba người kia cũng không thể nào tránh khỏi được ! Vua liền sắp sửa xe ngựa đến nơi Phật ngự làm lễ Phật rồi lui về chỗ ngồi mà bạch rằng : « Bạch đức Thế-tôn, gần đây có bốn anh em ông Phạm-chí, người nào cũng được năm phép thần-thông, tự biết mệnh mình sắp chết, nên đã đi trốn cả rồi, không biết nay có thoát hay không, cúi xin đức Thế-tôn chỉ giáo cho ? » , Phật bảo vua rằng : « Nay Đại-vương ! người đời có bốn sự không thể nào thoát khỏi. Những gì là bốn : Một là đã có thân trung-ấm thì phải thụ-sinh ; Hai là đã có sinh thời phải có già ; Ba

là đã có già thời phải có bệnh. Bữa là đã có bệnh thời phải chết (1).

Nói đoạn đức Thế-tôn lại thuyết một bài kệ rằng :

ㄨ « Lên không, vào bề sâu, Trốn trong giữa núi đá,
 « Không có một nơi nào, Là thoát được cái chết,
 « Sự đó bởi ta làm, Đã làm phải đến thế,
 « Người vì đó bối rối, Mà bị sinh, già, chết,
 « Biết thế tự tính được, Như thế hết cái sinh,
 « Tỷ-khiên chán quán ma, Độ qua cầu sinh-tử,

Vua nghe Phật dạy như vậy, than mà bạch Phật rằng:
 « Thật là hay lắm thay ! Thực đúng như lời Thế-tôn dạy.
 Một người đã chết đi, thì chắc ba người kia cũng phải
 cùng theo một cái số mệnh như vậy. Quần thần theo vua
 được nghe Pháp, không một ai là không tin theo lời
 Phật dạy.

LỜI BÀN GÓP ! Quý vô-thường ; Quý vô-thường ! Dễ
 mấy ai có tài mà hàng phục được nó ? Đến ngay như anh
 em ông Phạm-chi trên đây, đã được năm pháp thần-thông
 mà vẫn còn bị trong vòng sinh-tử. Bánh lửa xưa kia thọ
 làm trăm năm sau cũng đến một cái chết, nào ai đã tránh
 khỏi được đâu ?

Than ôi ! sinh sinh tử tử đã bao lần, nổi nổi chìm
 chìm trầm ực kiếp ; Đều vì nghiệp-chướng sâu dày, vô
 minh che lấp. Chúng ta là đệ-tử Phật, phải gắng công tu
 diệt hết cái lòng tham ác, trở về với chốn chân-như, mới
 có thể thoát khỏi tay con quý vô-thường được,

Viên-Quang

1 Đây chỉ là nói phần đông mà thôi, có khi mới sinh ra cũng
 đã chết ngay, hay còn trẻ, dù chưa già cũng bị bệnh, bị chết.
 Chớ không cứ gì phải lần lượt đi từ sinh rồi đến già, đến bệnh,
 đến chết.

THỜI SỰ

ÂU CHÂU

Mặt trận Đức, Nga trong tuần này đại khái như sau này :

Tại kinh thành Mạc-tư-khoa, Nga tuy kháng-chiến rất mãnh liệt, nhưng quân Đức nhiều hơn, chiến xa cũng nhiều hơn, nên tình hình kinh thành Nga rất là nguy ngập, chính Nga cũng phải nhận là rất nghiêm trọng thật. Mặt trận Nam thì quân Đức phải rút lui, vì cánh quân của Thống-chế Timochenko hết sức phản công, đã lấy lại được thành Rostov, Đức nói sở dĩ phải rút quân lui là vì cánh dân quân Nga quá rối thường là chỉ điềm cho không quân Nga.

Mặt trận Anh, Đức, ý, hiện nay đang xung đột rất dữ ở vùng Bắc phi, tin Anh nói đã tiến được năm trăm cây số, quân « trục » bị thua. Còn không quân hai bên không hoạt động mấy.

MỸ CHÂU Á CHÂU

Tình hình Nhật, Mỹ cùng đàm phán với nhau đã mấy tuần rồi, Nhật thì lấy chỗ tổ chức trật tự mới ở Á-châu làm căn bản. Mỹ thì lại bảo Nhật rút quân ở Tàu về sẽ cung cấp các nguyên liệu cho, hai bên chưa bên nào thỏa hiệp nhau cả, các nơi như Phi-luật-tân, Tân-gia-ba, Hương-cảng, Úc-châu thì sửa soạn tấp nập như chiến tranh xảy đến nơi, kiều dân Nhật, Mỹ, Anh cũng ùn ùn kéo về nước, tình hình cũng rất nghiêm-trọng; nhưng theo các nhà quan-sát thời-sự nhiều nơi cũng còn có hy vọng vì Nhật Mỹ còn tiếp tục cuộc đàm phán.

ĐÔNG-DƯƠNG

Ngày chủ nhật 30-11-41 vừa rồi quan Toàn-quyền Decoux đã khánh thành hội trợ một cách rất rực rỡ trang nghiêm, hôm ấy lại đúng là ngày đoàn thể thao toàn xứ Đông-dương rước đuốc thể thao tự Đế-thiên Đế-thích về tới nơi, hai cuộc vui đặc biệt cũng diễn ra một ngày không những các thanh-niên thể-thao hoan nghênh nhiệt liệt mà đến các dân thôn quê cũng kéo ra xem như kiến, thực là sung sướng đặc biệt.

HỘP THƯ

(Phương danh các vị đã trả tiền báo bằng Mandats)

M.M. Nguyễn hảo Yếu, Biên-hòa	3\$00
Chi, Thiện. Lộc, Thu, Huế	12.00
Quang Hoàn, Huy, Quang. Ninh-chữ	2.50
Trịnh văn Thuật, Haidương	1.50
Nguyễn-văn-Có, Mylho	1.50
Ngô-thị-Ngỡi. Thủ-dầu-một	1.50
Phan-Triện, Faifoo	3.80

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỠ

Ông Nguyễn-dinh-Giá, xã Đôn-thư, Chủ-trì hội-viên chỉ hội Phương-diểm Gia-lộc Hải dương, viên tịch ngày 17 tháng 9 năm Tân-tị.

M. Vũ-xuân-Tuy, 36 phố hàng Gai Hanoi, viên tịch ngày mồng 5 tháng 7 năm Tân-tị 1941.

KHẨN CÁO

Không cần phải nói các ngài cũng hiểu hết những nông nổi ra đực tờ báo tập sách bây giờ khó biết là nhường nào rồi! Đuốc-Tuệ y cái nghĩa vụ hoàng pháp, tiền báo không tăng một chút nào, lại lo sắp đặt in toàn chữ mới, để làm món quà quý giá cho các quý độc giả Thế mà còn có nhiều ngài đã hai ba năm nay không trả tiền cho, thật là phụ với tấm lòng trông cậy của Bản-báo không ngờ tới. Vậy Bản-báo mong rằng. Vị nào chưa trả tiền xin kíp gửi về cho

Kính cáo
ĐUỐC TUỆ